

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2022

*V/v: Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản  
khi ly hôn giữa chị V và anh T.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ;

Ông Lê Văn Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Khổng Thị Tươi-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị V, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 13, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 13, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1 Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện X.

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị H - Giám đốc Phòng giao dịch Hành Thiện Agribank, Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp phát triển nông huyện Xuân Trường; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Phan Văn B, sinh năm 1954; bà Phan Thị K, sinh năm 1956 đều địa chỉ: Xóm 13, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; ông B vắng mặt và đã ủy

quyền cho bà Phan Thị K, bà K có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 26/01/1999. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Ngoài ra anh T còn rượu chè chửi bới xúc phạm chị, đánh đập chị nhiều lần. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Phan Văn T

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Thị Tuyết M, sinh ngày 01/01/2000; hiện cháu M đã trưởng thành và tự lập không yêu cầu giải quyết, Phan Tùng Anh, sinh ngày 17/01/2007. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi con Phan Tùng A và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, hiện chị đang bán hàng tạp hóa mức thu nhập bình quân khoảng 8 triệu đồng.

Về tài sản: Vợ chồng có 300.000.000đ gửi tiết kiệm tại Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện X - Phòng giao dịch H, sổ tiết kiệm mang tên anh Phan Văn T. Vợ chồng có 01 chiếc xe máy Dream trị giá 10.000.000đ mang tên anh Phan Văn T, anh T đang quản lý; Tiền quần áo còn lại cụ thể: Số quần áo phạt phạt là 220 bộ, bình quân mỗi bộ là 113.000đ/1 bộ, giá trị còn lại 25.000.000đ; 11 pho tượng +02 bức tranh điện và 01 tủ đông lạnh tổng giá trị là 15.000.000đ. Khi ly đôi với số tiền 300 triệu đồng chia đôi. Chiếc xe máy chị để lại cho anh T sử dụng và anh T thanh toán lại cho chị số tiền 5.000.000đ đồng, chị sử dụng chiếc xe đạp điện không tính giá trị; chị nhận sử dụng 220 bộ quần áo phạt phạt và 11 pho tượng, 02 bức tranh điện và 01 tủ lạnh các bên có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản sau khi đối trừ. Đối với số tiền anh T trình bày là đã rút 300 triệu đồng ở Phòng giao dịch H Agribank, Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp phát triển nông huyện Xuân Trường về dùng chi tiêu cá nhân thì anh Tiêm phải chịu trách nhiệm. Đối với số tiền lãi tính từ ngày gửi 23/8/2021 đến 23/8/2022 là 16.500.000đ, do anh T đã rút trước số tiền gốc nên đã mất lãi anh T phải chịu trách nhiệm, số tiền lãi còn lại 10.520.548đ. Chị xác định công sức đóng góp vào khối tài sản là ngang nhau. Ngoài ra vợ chồng còn có một số tài sản khác chị không yêu cầu xem xét.

Về khoản nợ: Vợ chồng có vay của ông Phan Văn B và bà Phan Thị K số tiền là 50.000.000đ để mở cửa hàng làm ăn, chị là người trực tiếp hỏi vay nhưng anh T đều biết, sau đó chị đã trả cho bố mẹ chị được 13.000.000đ, hiện còn nợ số tiền là 37.000.000đ. Khi ly hôn chị yêu cầu anh T cùng có trách nhiệm trả nợ nhưng chị trực tiếp nhận trách nhiệm trả nợ cho ông B, bà K.

*Theo biên bản lấy lời và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị V trình bày về việc kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng; Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, mặt khác do tính cách của hai người không hợp nhau, khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gia đình đã động viên khuyên giải để nhằm hàn gắn hạnh phúc vợ chồng xong không có kết quả, anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm mong muốn chị V suy nghĩ lại rút đơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không nhất trí ly hôn nhưng tại phiên tòa anh nhất trí ly hôn.

Về con chung; Vợ chồng có 2 con chung như chị V trình bày là đúng: Trong đó có 1 con đã trưởng thành anh không đề nghị Tòa án xem xét. Nay ly hôn anh nhất trí để cho chị Vui tiếp tục nuôi con Phan Tùng A, sinh ngày 17/01/2007; anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Ngày 23/8/2021 anh có gửi tiết kiệm số tiền 300.000.000đ tại Phòng giao dịch H Agribank Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Xuân Trường, sổ tiết kiệm mang tên anh với thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất là 5,5% tháng. Cách đây khoảng 2 tháng anh đã rút số tiền này để tiêu dùng cho cá nhân và không chi cho sinh hoạt gia đình, sau đó anh thế chấp lại sổ tiết kiệm này để vay lại tránh mất lãi do anh rút khi chưa đến kỳ hạn.

Đối với chiếc xe máy Dream BKS: 18F4 - 0985 xe mang tên anh, giá trị chiếc xe còn lại 10.000.000đ, khi ly hôn anh nhận sử dụng và thanh toán cho V số tiền 5.000.000đ và chị V được nhận 1 xe đạp điện.

Số quần áo phát pháp là 220 bộ, bình quân mỗi bộ là 113.000đ/1 bộ, giá trị còn lại 25.000.000đ; 11 pho tượng phật + 02 bức tranh diện và 01 tủ đông lạnh tổng giá trị là 15.000.000đ, khi ly hôn anh để lại cho chị sử dụng và chị Vui thanh toán cho anh giá trị chênh lệch. Anh xác định công sức đóng góp vào khối tài sản là ngang nhau.

Về công nợ: Về khoản nợ của ông Phan Văn B và Phan Thị K; anh nhất trí với lời trình bày của chị Vui, anh nhất trí để chị Vui trả khoản nợ chung của vợ chồng:

Đối với khoản nợ của ngân hàng: Do anh rút số tiền gốc 300.000.000đ khi chưa đến kỳ hạn để tránh mất lãi nên anh vay lại số tiền này bằng cách thế chấp sổ tiết kiệm đó, khi đến ngày được lấy lãi thì ngân hàng sẽ cân đối số tiền lãi được hưởng của khoản gửi 300.000.000đ và khoản thế chấp sổ tiết kiệm, trừ khoản vay và khoản lãi được hưởng thì còn được nhận số tiền lãi là 10.520.548đ của ngân hàng, không phải trả số tiền gốc.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

*Bà Phan Thị K trình bày:* Năm 2017, vợ chồng chị V, anh T có hỏi vay tiền của vợ chồng bà, chị Vui là người gọi điện trực tiếp hỏi vay, thời điểm đó vợ chồng bà đang làm bãi sắt ở Quang Ninh, khi chị Vui vay tiền thì vợ chồng bà đã nhất trí cho vay, vợ chồng bà cho vợ chồng chị Vui, anh Tiêm vay số tiền là 50.000.000đ, vợ chồng chị V anh T vay số tiền này để mở cửa hàng bán quần

áo, khi vợ chồng bà cho vợ chồng anh T, chị V vay tiền không viết giấy biên nhận vì là con cái trong nhà, vay không có lãi, vay không có thời hạn trả, chỉ nói miệng với nhau là khi nào bố mẹ cần thì vợ chồng các con phải trả. Tháng 6 năm 2021, chị V đã trả cho vợ chồng bà số tiền là 13 triệu đồng, thời điểm đó vợ chồng bà đòi để lấy tiền điều trị bệnh, khi chị V trả số tiền này vì là bố con trong gia đình không viết giấy tờ; hiện vợ chồng anh T, chị V còn nợ vợ chồng bà số tiền là 37.000.000đ. Số tiền còn nợ anh T đều biết. Nay chị V xin ly hôn anh Phan Văn T bà yêu cầu anh T và chị V cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà, để thuận lợi cho việc trả nợ thì chị V có trách nhiệm trả khoản nợ gốc này, vợ chồng bà không yêu cầu lãi.

*Đại diện ủy quyền của Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Xuân Trường bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 23/8/2021 anh Phan Văn T có đến gửi tiết kiệm số tiền 300.000đ tại Agribank chi nhánh huyện X.

Ngày mở sổ 23/8/2021 ngày đến hạn 23/08/2022.

Kỳ hạn 12 tháng; lãi suất là 5,5%/năm. Lãi dự tính đến ngày 23/8/2022 là 16.500.000đ.

Ngày 18/5/2022 anh Phan Văn T đã xuống rút số tiền này, chi nhánh ngân hàng đã trả khoản tiền này nhưng để tránh cho khách hàng bị thiệt thòi về khoản tiền lãi nên anh T vay số tiền 300.000.000đ bằng cách thế chấp bảo đảm tiền vay là sổ tiết kiệm AC0002838949, kỳ hạn 12 tháng, số dư trên sổ 300.000.000đ, lãi suất trên sổ 5,5%/năm, ngày phát hành 23/8/2021 ngày đến hạn 23/8/2022. Hai bên đã lập hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm số 3205-LAV -202201799 cụ thể là bên cho vay (A) AGRIBANK chi nhánh huyện X Nam Định - Phòng giao dịch H; bên vay (Bên B) ông Phan Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: xóm 13 , (xóm 30 cũ), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định .

Số tiền cho vay 300.000.000đ;

Thời hạn vay 97 ngày, kể từ ngày ký đến hết ngày 23/8/2022; mức lãi suất là 7,5%/năm .

Lãi suất tiền vay đến ngày 23/8/2022 là 5.979.452đ.

Lãi tiền gửi ngày 23/8/2022 là 16.500.000đ.

Đổi trừ lãi tiền gửi và tiền lãi tiền vay, số tiền anh Phan Văn T còn được nhận về là 10.520.548đ. Số tiền gốc không phải thanh toán cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử , các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83

Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị V và anh Phan Văn T.

Về con chung: Công nhận chị Phan Thị V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phan Tùng A, sinh ngày 17/01/2007. Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Giao cho anh Tiêm được sở hữu, sử dụng số tiền 300.000.000đ và được nhận số tiền lãi 10.520.548đ ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp phát triển nông huyện Xuân Trường - Phòng giao dịch H; 01 xe máy Dream BKS: 18F4 - 0985 mang tên Phan Văn T trị giá 10.000.000đ.

Buộc anh Phan Văn T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Phan Thị V số tiền 162.675.000đ.

Giao cho chị Phan Thị V được sở hữu, sử dụng 220 bộ quần áo phật pháp giá trị 25.000.000đ; 11 pho tượng phật + 02 bức tranh điện và 01 tủ đông lạnh tổng giá trị là 15.000.000đ; 01 chiếc xe đạp điện không tính giá trị.

Chị Phan Thị V được nhận ở anh Tiêm số tiền 162.675.000đ.

+ Về công nợ: Giao chị Phan Thị V có trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Văn Bận, bà Phan Thị Kệ số tiền là 37.000.000đ.

+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện X - Phòng giao dịch H có trách nhiệm thanh toán cho anh Phan Văn T số tiền lãi 10.520.548đ khi đến hạn.

Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị V phải nộp án ly hôn và án phí tài sản theo quy định của pháp luật.

Anh Phan Văn T phải nộp án phí tài sản theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị V và anh Phan Văn T kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Nay chị V xin ly hôn anh T nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị V và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị V xin ly hôn anh T nhất nên HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa chị V và anh T là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị V và anh T có 02 con chung tên Phan Thị Tuyết M, sinh ngày 01/01/2000; hiện cháu M đã trưởng thành và tự lập không

yêu cầu giải quyết, Phan Tùng A, sinh ngày 17/01/2007. Khi ly hôn chị V xin nhận nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng, anh T nhất trí. Xét thấy, chị V và anh T thống nhất thỏa thuận việc nuôi con khi ly hôn nên HĐXX sẽ công nhận chị V tiếp nuôi con Phan Tùng A và ghi nhận chị V không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị V và anh T có tài sản số tiền 300.000.000đ. Ngày 23/8/2021 anh Phan Văn T có gửi tiết kiệm số tiền 300.000đ tại Agribank chi nhánh huyện X. Ngày mở sổ 23/8/2021 ngày đến hạn 23/08/2022. Kỳ hạn 12 tháng; lãi suất là 5,5%/năm. Lãi dự tính đến ngày 23/8/2022 là 16.500.000đ. Ngày 18/5/2022 anh Phan Văn T đã rút số tiền này. Sau đó anh T thế chấp lại sổ tiết kiệm này để tránh mất lãi. Như đại diện ủy quyền của chi nhánh ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện Xuân Trường cung cấp sau khi cân đối khoản vay và lãi tính đến ngày 23/8/2022 phía ngân hàng còn phải trả lãi cho anh T số tiền lãi là 10.520.548đ; không phải trả tiền gốc. Xét thấy, số tiền gốc và lãi là tài sản chung của vợ chồng, khi anh Tiêm gửi số tiền này chưa đến hạn anh T đã rút số tiền gốc 300.000.000đ về để chi tiêu cá nhân không dùng vào việc chi tiêu cho gia đình nên anh T phải chịu trách nhiệm về khoản tiền này. Anh T rút số tiền này khi chưa đến kỳ hạn đương nhiên sẽ bị mất lãi. Theo như số liệu phía ngân hàng cung cấp ngày 23/8/2022 anh Tiêm mới đến hạn rút thì số tiền lãi là 16.500.000đ. Do anh T rút trước hạn để tránh mất lãi bằng cách anh Tiêm thế chấp lại sổ tiết kiệm này anh T phải trả cho ngân hàng số tiền lãi là 5.979.452 đồng. Vì vậy, anh T phải chịu trách nhiệm khoản trả lãi này cho ngân hàng và khoản này ngân hàng trừ trực tiếp sau khi cân đối lãi ngân hàng phải trả cho anh T số tiền gửi đến hạn được rút, anh T không phải thanh toán tiền gốc cho ngân hàng và ngân hàng có trách nhiệm thanh toán cho anh T số tiền lãi là 10.520.548đ. Như vậy HĐXX đánh giá số tiền lãi là 16.500.000đ anh T có trách nhiệm phải toán cho chị V 1/2 số tiền lãi là 8.250.000đ.

Chị Vui và anh T thống nhất: Chị V sử dụng 220 bộ quần áo phật pháp trị giá trị 25.000.000đ; 11 pho tượng phật + 02 bức tranh diện và 01 tủ đông lạnh tổng giá trị là 15.000.000đ; 01 chiếc xe đạp điện không tính giá trị. Anh T nhận sử dụng 01 chiếc xe máy Dream BKS: 18F4 - 0985 giá trị 10.000.000đ xe mang tên anh Phan Văn T. Xét thấy, chị V và anh T thống nhất thỏa thuận được những tài sản này phù hợp.

Về công nợ; Chị V và anh T thống nhất là vợ chồng còn nợ của ông Phan Văn B, bà Phan Thị K số tiền gốc là 37.000.000đ. Xét thấy, chị V nhận trách nhiệm trả nợ chung của vợ chồng cho ông Ba, bà K là phù hợp.

Đối với khoản nợ của ngân hàng: Anh Ti được nhận số tiền lãi của khoản tiền 300.000.000đ sau khi đã trừ khoản vay phải trả lãi ngân hàng còn được nhận là 10.520.548đ.

Chị V và anh T xác định công sức đóng góp vào khối tài sản là ngang nhau là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí tài sản theo quy định của pháp luật.

Anh Phan Văn T phải chịu án phí tài sản mà mình được hưởng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 55, Điều 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận ly hôn giữa chị Phan Thị V và anh Phan Văn T.

2. Về nuôi con chung: Công nhận chị Phan Thị V tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Phan Tùng A, sinh ngày 17/01/2007. Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Giao cho anh T được sở hữu, sử dụng số tiền 300.000.000đ và được nhận số tiền lãi 10.520.548đ ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp phát triển nông huyện X - Phòng giao dịch Hà; 01 xe máy Dream trị giá 10.000.000đ; BKS: 18F4 - 0985 mang tên Phan Văn T.

Buộc anh Phan Văn T có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Phan Thị Vui số tiền 162.675.000đ.

Giao cho chị Phan Thị V được sở hữu, sử dụng 220 bộ quần áo phật pháp trị giá 25.000.000đ; 11 pho tượng phật + 02 bức tranh điện và 01 tủ đông lạnh tổng trị giá là 15.000.000đ; 01 chiếc xe đạp điện không tính giá trị.

Chị Phan Thị Vui được nhận ở anh Phan Văn T số tiền 162.675.000đ.

+ Về công nợ: Giao chị Phan Thị V có trách nhiệm trả nợ chung cho ông Phan Văn Bận, bà Phan Thị K số tiền gốc là 37.000.000đ.

+ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp phát triển nông huyện X - Phòng giao dịch H có trách nhiệm thanh toán cho anh Phan Văn T số tiền lãi 10.520.548đ khi đến hạn.

*Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, số tiền người phải thi hành án chậm thi hành án phải chịu lãi suất hàng tháng theo mức lãi suất quy định tại điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Tài sản và công nợ của chị Phan Thị V 202.675.000đ.

Tài sản của anh Phan Văn T: 157.845.548đ.

4. Về án phí: Chị Phan Thị V phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ và 10.133.000đ án phí tài sản được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.500.000 đã nộp theo biên lai thu số 0002995 ngày 03/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị V được hoàn lại số tiền 67. 000đ.

Anh Phan Văn T phải nộp án phí tài sản là 7.892.000đ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã X: 01 bản;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Ngọc Long**





















